

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26 /9/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tường Vân

Bà Mai Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vinh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị N - sinh năm: 1993

Trú quán: Khu phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn B - sinh năm 1991

Trú quán: Khu phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2024, bản tự khai ngày 15/7/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị N và anh Đặng Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn V), huyện V, tỉnh T vào ngày 14/02/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn. Từ tháng 3/2021 đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa, anh B đi chỗ khác ở, chị N và con vẫn ở cùng với bố

mẹ chồng tại nhà của bố mẹ chồng. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là: Đặng Công M - sinh ngày 20/7/2014 (giới tính: Nam). Hiện nay cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu M ở cùng với chị N và ông bà nội. Cuộc sống của con đang ổn định, con phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Để không làm xáo trộn cuộc sống của con khi ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì, hiện nay chị N có công việc và thu nhập ổn định, mức thu nhập của chị trung bình gần 20.000.000 đồng/tháng. Anh B làm nghề tự do, vì vợ chồng sống ly thân đã lâu nên hiện nay công việc và thu nhập của anh B như thế nào chị N không nắm được. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị N không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đặng Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của anh Đặng Văn B.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/8/2024, chính quyền địa phương thị trấn V, huyện V, tỉnh T nơi chị N, anh B có đăng ký hộ khẩu thường cho biết: Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1993 và anh Đặng Văn B, sinh năm 1991 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn V), huyện V, tỉnh T vào ngày 14/02/2014. Sau khi kết hôn chị N về nhà anh B sinh sống cùng với anh B và bố, mẹ chồng. Đến đầu năm 2021, vợ chồng chị N, anh B xảy ra mâu thuẫn, nên hai người sống ly thân nhau. Anh B đi chỗ khác ở còn chị N và con vẫn sống cùng với bố mẹ chồng. Chính quyền địa phương cũng không nắm được nguyên nhân vợ chồng chị N, anh B mâu thuẫn là gì, chỉ nghe làng xóm phản ánh vợ chồng anh chị khi đang chung sống với nhau cũng hay cãi vã lẫn nhau. Về con chung, chị Trịnh Thị N và anh Đặng Văn B có 01 con chung tên là: Đặng Công M – sinh ngày 20/7/2014. Từ khi vợ chồng chị N, anh B ly thân cháu M vẫn ở cùng ông bà nội và chị N. Cháu M hiện đang học tại trường tiểu học V (đóng trên địa bàn thị trấn V). Về điều kiện kinh tế, chị Trịnh Thị N làm công nhân ở xa nhưng thường xuyên về nhà. Anh Đặng Văn B làm nghề tự do, vẫn sinh sống tại địa phương, những khi chị N về nhà thì anh B không về nhà, những khi chị N đi làm anh B với về qua nhà rồi lại đi. Những khi về thì chị N ở tại nhà bố mẹ chồng là ông Đặng Văn T, bà Phạm Thị P tại khu phố T, thị trấn V cùng với con trai là Đặng Công M. Tuy chị N và anh B không chung sống với nhau nữa nhưng bố mẹ anh B vẫn rất quý chị N, yêu thương chị N và cháu nội. Chị N làm công nhân ở xa, anh B làm nghề tự do nên chính quyền địa phương cũng không biết chị N và anh B làm công việc gì, thu nhập như thế nào. Tại thị trấn V chị N, anh B không có nhà đất riêng mà ở tại nhà ông Đặng Văn T. Quá trình sinh sống tại địa phương thị trấn V anh B, chị N có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Trịnh Thị N cung cấp 04 bảng lương để chứng M thu nhập B quân của chị N gần 20.000.000đồng/tháng.

Tại phiên tòa chị Trịnh Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị N, xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Đặng Văn B.

Giao con chung là Đặng Công M – sinh ngày 20/7/2014 (giới tính: Nam) cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị N, vì chị N không yêu cầu.

-Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trịnh Thị N có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Đặng Văn B có hộ khẩu thường trú tại thị trấn V, huyện V, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Đặng Văn B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh Đặng Văn B cố tình trốn trách nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị N và anh Đặng Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn V), huyện V, tỉnh T vào ngày 14/02/2014. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị N và anh Đặng Văn B là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ năm 2021, khi anh B bỏ nhà đi chỗ khác để ở, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Chị Trịnh Thị N xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn anh B. Quá trình giải quyết vụ án anh B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh B không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Trịnh Thị N và anh Đặng Văn B đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Đặng Văn B là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị N và anh Đặng Văn B có 01 con chung tên là Đặng Công M - sinh ngày 20/7/2014 (giới tính: Nam). Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay cháu M ở cùng với chị N và ông bà nội. Khi ly hôn chị N có yêu cầu và theo nguyện vọng của con là giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Công M. Chị N không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án không thu thập được nguyện vọng của anh B. Tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển cho cháu bé, thấy rằng: Chị N có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu M ở cùng với chị N, được chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu đang ổn định. Cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần. Cháu M cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Nguyện vọng của chị N và của cháu M là hoàn toàn chính đáng. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển B thường của con về mọi mặt và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con. Do đó, giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Công M đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị N vì chị N không yêu cầu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Đặng Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở và anh có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trịnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Đặng Văn B.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Đặng Công M - sinh ngày 20/7/2014 (giới tính: Nam) cho chị Trịnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.2. Anh Đặng Văn B không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

2.3. Anh Đặng Văn B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở anh thực hiện quyền này và anh B có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng chị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006123 ngày 28/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đặng Văn B không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị Trịnh Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đặng Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND thị trấn Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang